

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2023

V/v Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Nguyễn Tiến Sứ

- Thư ký phiên toà: Bà Khuông Thị Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thúy H: Anh Nguyễn Thái V, sinh năm 1989; trú tại: Phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt) và chị Hoàng Hồng M, sinh năm 1994; trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cụ Nguyễn Thị V, sinh năm 1933; anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; đều trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959; anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1985; đều trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; trú tại: Số nhà N đường Nguyễn Văn L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; trú tại: Thôn H, xã N, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị B: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958 và chị Nguyễn Thị Y (Không xác định được địa chỉ cụ thể);

+ Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 2000; trú tại: Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Xuân H: Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm 1981; trú tại: Thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy H trình bày: Chị và anh Q kết hôn tháng 11 năm 1999, quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì mâu thuẫn. Ngày 28/01/2021 chị và anh Q ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch. Khi ly hôn chị và anh Q đều không đề nghị giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức.

Về nguồn gốc thửa đất số 01.4, tờ bản đồ số 25 có nguồn gốc là của bố mẹ anh Q là ông K và bà V cho vợ chồng chị đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q. Thời điểm đó hộ ông Q gồm có chị, anh Q và cháu Nguyễn Xuân H. Thửa đất số 01 tờ bản đồ 25 tách ra làm 4 thửa là thửa 1.1 tờ bản đồ 25, thửa 1.2 tờ bản đồ 25, thửa 1.3 tờ bản đồ 25 và thửa 1.4 tờ bản đồ 25. Sau khi vợ chồng chị kết hôn xong được 06 tháng thì bố mẹ chồng chị có chia cho vợ chồng chị thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/2000 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q.

Tuy nhiên khi được bố mẹ chồng cho đất thì vợ chồng chị vẫn sống cùng bố mẹ chồng trên phần đất đứng tên ông K là thửa 1.2 tờ bản đồ 25. Đến năm 2009 vợ chồng chị có tháo dỡ công trình trên đất của bố mẹ chồng và xây công trình trên phần đất của bố mẹ chồng và hai vợ chồng chị sống cùng bố mẹ chồng cho đến khi ông K mất và đến khi vợ chồng chị ly hôn là năm 2021. Trong quá trình sống trên đất thì khoảng năm 2016 vợ chồng chị có xây dựng tường bao loan như hiện tại trên thửa đất số 01.4 tờ bản đồ 25.

Đối với thửa đất 1.3 tờ bản đồ 25 thì vợ chồng anh Năm ở trên đó trước khi chị về làm dâu. Sau khi chị về làm dâu được khoảng 3 năm thì vợ chồng anh Năm đã xây dựng nhà mới và ở từ đó đến nay. Năm 2022, anh Q có xây nhà và một số công trình khác có một phần trên phần đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q. Nay chị đề nghị chia thửa đất 01.4 tờ bản đồ số 25 gồm đất và các tài sản trên đất.

Năm 2016, vợ chồng chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lập Thạch số tiền là 15.000.000đ mục đích vay làm nước sạch, sau khi ly hôn anh Q đã trả xong khoản nợ này. Năm 2019, khi xây dựng thêm một phòng bếp vợ chồng chị có mua nguyên vật liệu nhà Hiếu Liên ở xã Xuân Hòa hết 15.000.000đ, số tiền trên vợ chồng chị đã trả trước khi ly hôn. Khoảng năm 2020, gia đình chị có mua bình thái dương năng và đồ điện nhà Lâm Toán ở thôn N, xã N hết 7.000.000đ, số tiền này anh Q đã trả sau khi ly hôn. Năm 2020, vợ chồng chị có vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp huyện Lập Thạch số tiền là 400.000.000đ, sau khi ly hôn anh Q là người trả số tiền này. Năm 2021, khi ly hôn chị và anh Q có nói với nhau không có biên bản và cũng không đề nghị Tòa án giải quyết, hai bên sẽ để lại toàn bộ tài sản của vợ chồng cho các con là cháu Nguyễn Xuân H và Nguyễn Thu Th. Đối với các khoản nợ thì hai vợ chồng không có thỏa thuận gì. Sau đó anh Q không thực hiện đúng nguyện vọng của các bên nên chị làm đơn đề nghị chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Khoảng năm 2018, vợ chồng chị có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Tế Việt Nam và có thế chấp thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Q, khi ký hợp đồng thế chấp chị có ký vào hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, khoản vay này vợ chồng chị đã trả trước khi ly hôn, sau đó mới vay khoản vay của Ngân hàng nông nghiệp. Hiện nay vợ chồng chị không còn nợ ai.

Sau khi chị và anh Q ly hôn, về tài sản và công nợ của vợ chồng chị không đề nghị Tòa án giải quyết, tài sản chung của vợ chồng khi đó gồm: Nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất 1.2 tờ bản đồ 25 (nay là thửa 438 tờ bản đồ 36, ban đầu đứng tên ông Nguyễn Văn K và chuyển sang tên anh Q năm 2019 là tài sản riêng của anh Q được gia đình sang tên), công trình phụ trên đất, đồ dùng sinh hoạt và các khoản nợ chung của vợ chồng là 436.000.000đ là các khoản nợ mà chị trình bày ở trên. Đến ngày 13/5/2022 chị và anh Q có thống nhất thỏa thuận và được Ủy ban nhân dân xã lập biên bản hòa giải và hai bên thống nhất: Tổng số tài sản chung của vợ chồng là 507.000.000đ, nợ chung của vợ chồng là 436.000.000đ, anh Q sử dụng toàn bộ tài sản chung (các công trình hiện nay anh Q đã tháo dỡ), anh Q trả các khoản nợ và thanh toán chênh lệch cho chị là 35.500.000đ, anh Q có cho cháu Nguyễn Thu Th 35.500.000đ và chị là người đã nhận của anh Q số tiền là 71.000.000đ tại buổi hòa giải ngày 13/5/2022 ở Ủy ban nhân dân xã Ngọc Mỹ. Tại buổi hòa giải đó chị và anh Q cũng không thỏa thuận về thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25. Lý do tại thời điểm các bên hòa giải các công trình trên đất không còn nhưng vẫn thỏa thuận anh Q sử dụng các công

trình trên đất là vì anh Q là người đã tháo dỡ các công trình trên nên các bên thống nhất giá trị tài sản chung của vợ chồng.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh và chị H kết hôn năm 1999, quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2021 thì mâu thuẫn. Ngày 28/01/2021 anh và chị H ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch. Khi ly hôn anh và chị H đều không đề nghị giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức.

Về nguồn gốc thửa đất số 01.4, tờ bản đồ số 25 là của bố mẹ anh cho anh. Sau khi anh kết hôn thì thửa đất của bố mẹ anh chia là 3 thửa, một thửa đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q (gồm anh, chị H và bố mẹ anh); một thửa đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N là anh trai anh và một thửa vẫn đứng tên bố anh là ông Nguyễn Văn K (ông K mất năm 2010) và bà Nguyễn Thị V (hiện đang sống cùng anh). Đến ngày 13/12/2000, anh được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh là hộ ông Nguyễn Văn Q. Anh xác định thửa đất này là của hộ gia đình anh gồm anh, chị H, ông K và bà V.

Nay chị H đề nghị chia thửa đất trên anh không đồng ý vì thửa đất này là của bố mẹ anh cho anh và trong quá trình còn là vợ chồng thì vợ chồng anh có vay một số khoản nợ đến khi ly hôn vẫn chưa trả, sau khi ly hôn xong thì một mình anh đứng ra trả toàn bộ khoản nợ trên gồm: Năm 2020, vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Lập Thạch là 400.000.000đ; Năm 2016 vay Ngân hàng chính sách huyện Lập Thạch là 15.000.000đ; mua vật liệu xây dựng nhà Hiếu Liễu ở xã Xuân Hòa để xây thêm một phòng bếp năm 2019 hết 15.000.000đ (hiện nay đã tháo dỡ tháng 6/2022); mua bình thái dương năng và đồ điện nhà Lâm Toán ở thôn Nghệ Oản Trung xã Ngọc Mỹ hết 7.000.000đ. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

Đối với khoản vay của Ngân hàng Quốc tế vợ chồng anh đã trả hết nợ, khi vay anh có thể chấp thửa đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q là thửa đất chị H đang đề nghị chia, khi ký hợp đồng thế chấp có anh, chị H, cháu H và mẹ anh ký. Hiện nay trên thửa đất chị H đang đề nghị chia có tài sản gồm: Tường bao loan xây từ lúc anh và chị H vẫn là vợ chồng và các cây cối trên đất là do anh mới trồng. Đối với các khoản nợ mà anh đã trả anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Xuân H trình bày: Anh là con trai của chị Nguyễn Thúy H và anh Nguyễn Văn Q, ngày 13/12/2000 hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25, diện tích 1465m² (trong đó có 1265m² đất vườn, 200m² đất thổ cư) đứng tên hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q (tại thời điểm này anh là thành viên của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Q). Ngày 28/01/2021 bố mẹ anh ly hôn theo bản án của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn Q chưa giữ đúng ý nguyện về việc để lại phần tài sản chung cho các con. Hiện tại mẹ

anh đang yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp và phân chia tài sản chung của hộ gia đình anh. Anh không nắm rõ nguồn gốc đất của hộ gia đình anh, nếu được chia một phần đất của hộ gia đình anh, anh mong muốn được nhận và tặng phần đất của anh cho mẹ anh là bà Nguyễn Thúy H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn N, chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị V: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tài sản chung của anh Q và chị H là thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25, trên đất có các công trình. Đề nghị chia đều cho anh Q và chị H, khi chia đề nghị tính nguồn gốc hình thành và công sức trông nom, quản lý thửa đất cho anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của nguyên đơn là chị Nguyễn Thúy H đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Q. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 27/5/2022 chị Nguyễn Thúy H có đơn khởi kiện với anh Nguyễn Văn Q. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Q là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên

tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, bà V theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thúy H đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là thửa đất số 1.4, tờ bản đồ số 25 tại Thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc và công trình trên đất là tường bao loan. Anh Q cho rằng thửa đất trên là bố mẹ anh cho riêng anh và khi anh với chị H còn là vợ chồng thì vợ chồng anh có nợ một số khoản nợ nhưng sau khi ly hôn thì anh là người đã trả hết các khoản nợ trên nên anh xác định thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 là của riêng anh, không phải là tài sản chung của vợ chồng anh và chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận: Nguồn gốc thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 là của bố mẹ anh Q là ông Nguyễn Văn K (đã chết năm 2010) và bà Nguyễn Thị V.

Qua xác minh tại địa phương và xác nhận của các đương sự thì thửa đất số 01 tờ bản đồ 25 có diện tích 5185m² là của vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị V, sau đó được tách thành 04 thửa và đều được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất, cụ thể là thửa số 1.1 tờ bản đồ 25 diện tích 482m², thửa số 1.2 diện tích 1582m² đều đứng tên hộ ông Nguyễn Văn K; thửa số 1.3 tờ bản đồ 25 diện tích 1656m² đứng tên hộ ông Nguyễn Văn N (là anh trai anh Q); thửa số 1.4 tờ bản đồ 25 diện tích 1465m² đứng tên hộ anh Nguyễn Văn Q. Như vậy, thửa đất 01 tờ bản đồ 25 đã được bố mẹ anh Q chia cho các con, tuy nhiên anh Q cho rằng thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 là bố mẹ anh Q cho riêng anh Q. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh Q kết hôn với chị H ngày 02/11/1999, đến ngày 13/12/2000 thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 được Ủy ban nhân dân huyện Lập Thạch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Q. Như vậy thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh Q và chị H. Khi bố mẹ anh Q cho thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 thì vợ chồng anh Q cũng không có văn bản thỏa thuận đó là tài sản riêng của anh Q. Hơn nữa, ngày 12/9/2018, vợ chồng anh Q thế chấp quyền sử dụng đất là thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 thì có cả chị H và anh Q ký trong hợp đồng thế chấp nhưng anh Q không có ý kiến gì. Theo phong tục tại địa phương trong việc bố mẹ cho đất gia đình con là chỉ cho đất vợ chồng con chứ không cho cả cháu cùng với các con. Vì vậy, xác định thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 là tài sản chung của anh Q và chị H. Anh Q cho rằng, khi hai vợ chồng ly hôn thì không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ nên sau đó hai bên thống nhất những khoản nợ chung của vợ chồng thì anh Q có trách nhiệm trả và được sử dụng thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25, tuy nhiên theo biên bản hòa giải ngày 13/5/2022 tại UBND xã Ngọc Mỹ thì sau khi anh Q và chị H đối trừ các khoản nợ chung của vợ chồng với giá trị các công trình xây dựng của vợ chồng thì anh Q thanh toán cho chị H là 35.500.000đồng, sau đó anh Q đã thanh toán đủ cho chị H. Các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng đã được giải quyết trong buổi hòa giải ngày 13/5/2022 tại UBND xã Ngọc Mỹ nên sau đó anh Q là người đã

trả toàn bộ các khoản nợ chung và cũng phù hợp với phần trình bày của anh Q và chị H về các khoản nợ chung, người trả các khoản nợ chung. Trong buổi hòa giải ngày 13/5/2022 cũng xác định thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 không được giải quyết. Như vậy, thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 là tài sản chung chưa chia của vợ chồng anh Q và chị H.

Quá trình làm việc, Tòa án đã giải thích cho anh Q về việc có yêu cầu giải quyết công nợ của vợ chồng trong cùng vụ án này không thì anh Q không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với công nợ mà chỉ giải quyết về tài sản chung của vợ chồng như đơn khởi kiện của chị H.

Trong quá trình thẩm định thửa đất số 1.4 tờ bản đồ 25 thì anh Q và gia đình không hợp tác và không cho Tòa án vào tiến hành đo đạc nên Tòa án đã tiến hành đo đạc thửa đất qua các hộ liền kề, sử dụng thiết bị đo đạc bằng UAV và đã được áp vào bản đồ 299 thì diện tích đo đạc thực tế thửa số 1.4 tờ bản đồ 25 là 957,7m² nhỏ hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 507,3m² (diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1465m²), việc diện tích nhỏ hơn như vậy là trong quá trình làm đường giao thông nông thôn thì vợ chồng anh Q chị H có hiến một phần diện tích đất để làm đường, tuy nhiên tại UBND không có tài liệu, sổ sách về việc hiến đất nên không xác định được diện tích đất đã hiến là bao nhiêu. Nguyên đơn đề nghị chia đất theo hiện trạng đã được đo đạc, vì vậy Tòa án tiến hành chia tài sản chung theo diện tích đã đo đạc thực tế.

Khi chia tài sản chung thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 thì sẽ tính đến nguồn gốc hình thành thửa đất và công sức trồng nom, quản lý thửa đất trên nên khi chia sẽ phân chia cho anh Q phần hơn, cụ thể: Giao cho chị H được quản lý, sử dụng 380m² (trong đó 80m² đất thổ cư và 300m² đất trồng cây lâu năm), giao cho anh Q được quản lý, sử dụng 577,7m² (trong đó 120m² đất thổ cư và 457,7m² đất trồng cây lâu năm). Do trong quá trình sử dụng đất thì anh Q đã xây dựng ngôi nhà cấp 4 có lấn một phần sang thửa đất 1.4 tờ bản đồ 25 nên sẽ giao phần xây dựng lấn sang đó cho anh Q. Do anh Q và gia đình không cho Tòa án vào thẩm định nên không xác định được cụ thể những tài sản nào có trên đất và vị trí cụ thể của các tài sản đó, vì vậy khi chia đất thì sẽ giao các tài sản trên đất cho các đương sự được quản lý sử dụng và không phải thanh toán chênh lệch cho nhau.

Như vậy, giao cho chị H được quản lý, sử dụng 380m² (trong đó 80m² đất thổ cư và 300m² đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản trên đất, thửa đất có hình cụ thể như sau: 15A-15-14-13-13A-15A; trị giá 418.000.000đồng, trên đất có tường bao loan có giá trị là (6,14m+20,63m+3,54m) x 0,1m x 2,8m x 800.000đ = 6.789.440đ. Tổng là: 424.789.440đ.

Giao cho anh Q được quản lý, sử dụng 577,7m² (trong đó 120m² đất thổ cư và 457,7m² đất trồng cây lâu năm) và toàn bộ tài sản trên đất, thửa đất có hình cụ thể như sau: 15A-13A-12-11-10-9-20-19-18-17-16-15A; trị giá

635.470.000đồng, trên đất có tường bao loan là $[(4,9m \times 2,8m \times 0,1m) + (5,01m + 1,94m) \times 1,8m \times 0,1m] \times 800.000đ = 2.098.400đ$. Tổng là 637.568.400đ

[8]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản là 11.679.000 đồng, số tiền này chị H tự nguyện nộp toàn bộ, không yêu cầu anh Q phải trả lại nên cần chấp nhận.

[9]. Về án phí: Chị Nguyễn Thúy H phải chịu 20.991.000đ (làm tròn); anh Q phải chịu 29.502.000đồng (làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 29, 33, 43, 46, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, 4 Điều 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Giao cho chị Nguyễn Thúy H sở hữu, sử dụng những tài sản sau: 380m² (trong đó có 80m² đất thổ cư và 300m² đất trồng cây lâu năm), phần đất có các chiều tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất anh Q được giao có chiều dài 51,4m; phía Nam giáp đường dân sinh có chiều dài các đoạn 3,54m+20,63m+6,14m; phía tây giáp thửa đất gia đình anh Nguyễn Văn N có chiều dài 28,37m và công trình cây cối lâm lộc trên đất là hình 15A-15-14-13-13A-15A; Tổng trị giá tài sản chị H được chia là 424.789.440đ.

Giao cho anh Nguyễn Văn Q sở hữu, sử dụng những tài sản sau: 577,7m² (trong đó 120m² đất thổ cư và 457,7m² đất trồng cây lâu năm), phần đất có các chiều tiếp giáp: Phía Bắc giáp thửa đất của anh Q có chiều dài 43,28m + 31,32m; phía Nam giáp thửa đất chị H được giao có chiều dài 51,4m, giáp đất anh Năm có chiều dài là 12,61m+ 4,35m; phía đông giáp đường dân sinh có chiều dài 1,94m+ 0,77m+5,01m + 4,9m; phía tây giáp thửa 1.1 tờ bản đồ 25 có chiều dài là 2,64m là hình 15A-13A-12-11-10-9-20-19-18-17-16-15A . Tổng trị giá tài sản anh Q được chia là 637.568.400đ.

(có sơ đồ kèm theo)

- Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ, xác nhận chị H đã nộp đủ.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thúy H phải chịu 20.991.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 28.500.000đ, hoàn trả lại chị H 7.509.000đ theo biên lai thu số 0006424 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Anh Q phải chịu 29.502.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa